



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin Công ty	2 - 3
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	4
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
Bảng cân đối kế toán	7 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	13
Thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 46

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (“Công ty”) là công ty con của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội. Công ty được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0102041157 ngày 15 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội nay là Phòng Đăng ký Kinh doanh và Tài chính Doanh nghiệp thuộc Sở Tài chính Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 4 ngày 11 tháng 11 năm 2024. Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 21/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 71/GPĐC-UBCK ngày 30 tháng 9 năm 2024.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- ▶ Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- ▶ Quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung;
- ▶ Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- ▶ Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 12, Tòa nhà số 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội. Công ty có một (1) văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo như sau:

Ông Lê Quốc Minh	Chủ tịch
Ông Chu Hồng Kiên	Thành viên
Bà Lâm Thị Minh Thúy	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo như sau:

Bà Đoàn Kim Dung	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hường	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Chu Hồng Kiên

Tổng Giám đốc

Ông Giang Trung Kiên

Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty vào ngày lập báo cáo tài chính này là Ông Lê Quốc Minh
- Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Chu Hồng Kiên - Tổng Giám đốc được ủy quyền ký báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 theo Giấy Ủy quyền số 148/2024/GUQ-MBC của ông Lê Quốc Minh ngày 30 tháng 9 năm 2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH KPMG là công ty kiểm toán cho Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 7 đến trang 46 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Chu Hồng Kiên
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2026





Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Keangnam Landmark 72,
Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2026, được trình bày từ trang 7 đến trang 46.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 26-02-00167-26-1



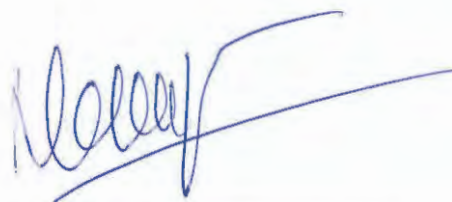
Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0861-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2026



Lê Nhật Vương

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 3849-2022-007-1

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/6/2026 VND	31/12/2025 VND (Phân loại lại)
	TÀI SẢN			
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 150)		710.298.098.639	615.929.386.692
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	61.021.984.062	98.779.174.439
111	1. Tiền		2.931.473.787	3.543.338.823
112	2. Các khoản tương đương tiền		58.090.510.275	95.235.835.616
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	608.219.441.282	482.930.689.342
121	1. Đầu tư ngắn hạn		618.216.084.999	494.479.547.639
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(9.996.643.717)	(11.548.858.297)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		39.467.290.565	33.080.476.612
132	2. Trả trước cho người bán	7	7.342.800.000	532.300.000
134	4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	8	24.754.991.969	31.856.652.845
135	5. Các khoản phải thu khác	9	7.369.498.596	691.523.767
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.589.382.730	1.139.046.299
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.567.939.730	1.139.046.299
158	5. Tài sản ngắn hạn khác		21.443.000	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250 + 260)		91.054.860.011	86.219.008.336
220	II. Tài sản cố định		17.397.511.537	15.933.058.382
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	8.383.708.921	4.994.258.618
222	Nguyên giá		13.605.375.897	9.631.845.897
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(5.221.666.976)	(4.637.587.279)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	9.013.802.616	10.938.799.764
228	Nguyên giá		21.473.230.000	21.473.230.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(12.459.427.384)	(10.534.430.236)
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		72.740.000.000	69.440.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác	12	72.740.000.000	69.440.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		917.348.474	845.949.954
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	634.356.794	562.958.274
268	3. Tài sản dài hạn khác	14	282.991.680	282.991.680
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		801.352.958.650	702.148.395.028

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B01a-CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

<i>Mã số</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>30/6/2026 VND</i>	<i>31/12/2025 VND (Phân loại lại)</i>
	NGUỒN VỐN			
300	A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)		43.765.237.291	37.468.897.851
310	I. Nợ ngắn hạn		43.765.237.291	37.468.897.851
312	2. Phải trả người bán		409.749.144	677.480.079
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	18.932.811.920	6.624.133.565
315	5. Phải trả người lao động		13.863.464.047	17.304.688.563
319	8. Phải trả phải nộp khác	16	1.728.119.339	10.342.234.064
323	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	8.831.092.841	2.520.361.580
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	18	757.587.721.359	664.679.497.177
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		356.174.500.000	356.174.500.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		100.000.000	100.000.000
420	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		401.313.221.359	308.404.997.177
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		801.352.958.650	702.148.395.028

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/6/2026 VND	31/12/2025 VND
005	5. Ngoại tệ các loại (nguyên tệ)		319.855	319.855
	USD		11.855	11.855
	JPY		308.000	308.000
006	6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		211.318.990.000	265.165.990.000
007	Trong đó:			
	6.1. Chứng khoán giao dịch		211.318.990.000	265.165.990.000
020	7. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ		142.760.702.100	139.460.702.100
030	8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	20	1.814.711.033.833	2.837.939.054.530
031	8.1 Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		1.814.711.033.833	2.837.939.054.530
040	9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	21	15.269.215.576.217	10.077.863.118.020
041	9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước		15.269.215.576.217	10.077.863.118.020
050	10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	22	424.060.024.283	304.310.510.629
051	11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	23	29.448.007.623	38.281.526.947

Ngày 14 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Người kiểm soát






Trần Thị Ngoan
Kế toán

Phạm Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Hoàng Nguyễn Quỳnh Trang
Giám đốc Tài chính

Chu Hồng Kiên
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B02a-CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND
01	1. Doanh thu	24	150.000.778.808	47.821.348.789
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01)		150.000.778.808	47.821.348.789
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn dịch vụ cung cấp	25	28.402.828.396	16.217.513.365
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)		121.597.950.412	31.603.835.424
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	12.890.593.488	29.291.348.755
22	7. Chi phí tài chính	27	(1.314.599.421)	8.845.920.501
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	10.555.005.092	6.052.103.542
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 25}		125.248.138.229	45.997.160.136
31	10. Thu nhập khác		69.090.909	159.638.963
32	11. Chi phí khác		-	92.500.000
40	12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		69.090.909	67.138.963
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		125.317.229.138	46.064.299.099
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	24.920.346.343	9.963.793.671
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)		100.396.882.795	36.100.505.428

Ngày 14 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Người kiểm soát

Người phê duyệt



Trần Thị Ngoan
Kế toán



Phạm Thị Thu Hương
Kế toán trưởng



Hoàng Nguyễn Quỳnh Trang
Giám đốc Tài chính




Chu Hồng Kiên
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B03a-CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

<i>Mã số</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND</i>	<i>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND (Phân loại lại)</i>
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		396.277.306.343	291.858.284.535
02	2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(194.998.703.156)	(415.476.796.713)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(21.907.817.161)	(10.609.081.606)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	29	(11.539.356.008)	(8.257.861.775)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.616.495.561	10.417.277.734
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(24.885.633.184)	(11.717.843.328)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		147.562.292.395	(143.786.021.153)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(9.555.530.000)	(49.000.000)
23	3. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(261.958.850.901)	(26.113.904.120)
24	4. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác		82.818.637.121	79.743.454.839
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(3.300.000.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	21.339.210.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.673.873.155	9.177.437.517
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(185.321.870.625)	84.097.198.236

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
 (Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B03a-CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND (Phân loại lại)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30)		(37.759.578.230)	(59.688.822.917)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		98.779.174.439	287.181.494.542
61	Ảnh hưởng của thay đổi đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.387.853	12.861.790
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	5	61.021.984.062	227.505.533.415

Ngày 14 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Người kiểm soát

Người phê duyệt






Trần Thị Ngoan
Kế toán

Phạm Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Hoàng Nguyễn Quỳnh Trang
Giám đốc Tài chính

Chu Hồng Kiên
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B05a-CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		1/1/2025	1/1/2026	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026		30/6/2025	30/6/2026
		VND	VND	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	VND	VND
				VND	VND	VND	VND		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18	356.174.500.000	356.174.500.000	-	-	-	-	356.174.500.000	356.174.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		100.000.000	100.000.000	-	-	-	-	100.000.000	100.000.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	12.861.790	(12.861.790)	-	-	-	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	18	229.777.791.128	308.404.997.177	36.100.505.428	(3.442.830.827)	100.396.882.795	(7.488.658.613)	262.435.465.729	401.313.221.359
Tổng cộng		586.052.291.128	664.679.497.177	36.113.367.218	(3.455.692.617)	100.396.882.795	(7.488.658.613)	618.709.965.729	757.587.721.359

Ngày 14 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Người kiểm soát

Người phê duyệt

Trần Thị Ngoan
Kế toán

Phạm Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Hoàng Nguyễn Quỳnh Trang
Giám đốc Tài chính

Chữ Hồng Kiên
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (“Công ty”) là công ty con của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội. Công ty được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0102041157 ngày 15 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội nay là Phòng Đăng ký Kinh doanh và Tài chính Doanh nghiệp thuộc Sở Tài chính Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 4 ngày 11 tháng 11 năm 2024, Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 21/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 71/GPĐC-UBCK ngày 30 tháng 9 năm 2024.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm các hoạt động sau:

- ▶ Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- ▶ Quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung;
- ▶ Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- ▶ Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty đang quản lý năm (5) quỹ đầu tư chứng khoán là Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital (“MBVF”), Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB (“MBBOND”), Quỹ Đầu tư Rhodium Venture Capital, Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship (“BMFF”), Quỹ Đầu tư Trái phiếu Dòng tiền Linh hoạt MB (“MBAM”) và hai (2) quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung là Quỹ MB An Khang, Quỹ MB Thịnh Vượng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và 31 tháng 12 năm 2025, vốn cổ phần của Công ty là 356.174.500.000 VND. Mệnh giá của một cổ phần là 10.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 12, Tòa nhà số 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội. Công ty có một (1) văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 45 người, trong đó có 16 người được cấp Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 38 người, trong đó có 14 người được cấp Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ).

Danh sách nhân viên có Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau:

<i>STT</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Số giấy phép</i>	<i>Ngày cấp</i>
1	Đoàn Kim Dung	00052/QLQ	27/02/2009
2	Giang Trung Kiên	000547/QLQ	01/02/2011
3	Hà Anh Tùng	001058/QLQ	20/12/2013
4	Phan Thị Tú Linh	001143/QLQ	01/10/2014
5	Bạch Thế Phong	001783/QLQ	22/05/2019
6	Bùi Thị Trang Nhung	001782/QLQ	22/05/2019
7	Trần Minh Ngọc	001849/QLQ	11/11/2019
8	Nguyễn Hữu Phú	001940/QLQ	05/10/2020
9	Nguyễn Kim Khánh	001983/QLQ	13/05/2021
10	Chu Hồng Kiên	002266/QLQ	10/10/2023
11	Bùi Hương Liên	001846/QLQ	30/10/2023
12	Nguyễn Huy Tùng	002333/QLQ	23/11/2023
13	Phạm Lê Hoàng	002530/QLQ	19/04/2024
14	Lương Văn Hoàn	002789/QLQ	14/03/2025
15	Dương Huyền Trang	003207/QLQ	13/01/2026
16	Phạm Thảo Minh	003211/QLQ	13/01/2026

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ (“Thông tư 125”) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Do vậy, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích sử dụng của các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2. Tuyên bố về việc tuân thủ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định báo cáo tài chính giữa niên độ đã được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 125 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

2.3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán giữa niên độ của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

2.5. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (“VND”).

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN MỚI VỀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 99”). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) và các thông tư sửa đổi Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đã áp dụng các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 trên cơ sở phi hồi tố, có phân loại lại một số chỉ tiêu tương ứng, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định cụ thể khác. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán của Công ty và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh sau của báo cáo tài chính giữa niên độ:

- ▶ Tiền và các khoản tương đương tiền (Thuyết minh 4.1);
- ▶ Các khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 4.2)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất, ngoại trừ các chính sách được mô tả tại Thuyết minh 4.1 và 4.2.

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiêu ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026

Lãi phải thu từ các khoản tương đương tiền (bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba tháng) được trình bày tại khoản mục “Các khoản phải thu khác”.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026

Lãi phải thu từ các khoản tương đương tiền (bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba tháng) được trình bày như một phần của giá trị ghi sổ của các khoản tương đương tiền.

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư tài chính bao gồm đầu tư tài chính ngắn hạn và đầu tư tài chính dài hạn.

Đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn; và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn khác là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn không quá 12 tháng, trừ phần tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng đã được ghi nhận ở khoản mục “Tiền và các khoản tương đương tiền”.

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào chứng chỉ quỹ với mục đích đầu tư dài hạn.

Các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá mua thực tế. Sau đó, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026

Lãi phải thu từ các khoản đầu tư tài chính được phân loại là đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên ba tháng) được trình bày tại khoản mục “Các khoản phải thu khác”.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026

Lãi phải thu từ các khoản đầu tư tài chính được phân loại là đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên ba tháng) được trình bày như một phần của giá trị ghi sổ của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tương ứng.



4.3. Dự phòng giảm giá chứng khoán và các khoản đầu tư dài hạn

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán niêm yết hoặc đã đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước, được tự do mua bán trên thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính và có giá trị thực tế trên thị trường giảm so với giá hạch toán trên sổ sách kế toán.

Giá trị thị trường của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán đã niêm yết (bao gồm cả cổ phiếu, chứng chỉ quỹ) là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM), giá trị thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố;

Mức trích dự phòng như sau:

Mức trích dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	=	Giá trị khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán của doanh nghiệp tại thời điểm trích lập dự phòng	-	Số lượng chứng khoán doanh nghiệp đang sở hữu tại thời điểm trích lập dự phòng	X	Giá chứng khoán thực tế trên thị trường
--	---	---	---	--	---	---

Dự phòng cho các khoản đầu tư khác vào các tổ chức kinh tế trong nước được lập trong trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán, căn cứ vào báo cáo tài chính riêng của tổ chức kinh tế nhận vốn góp lập cùng thời điểm lập báo cáo tài chính.

Mức trích dự phòng như sau:

Mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư	=	Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của doanh nghiệp tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng	X	Vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng	-	Vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng
--	---	--	---	---	---	--

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

4.4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) trong thời gian nắm giữ.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án thi doanh nghiệp tự dự kiến mức tổn thất không thu hồi được (tối đa bằng giá trị khoản nợ đang theo dõi trên sổ kế toán) để trích lập dự phòng. Chi phí dự phòng được ghi nhận vào khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng theo thời gian quá hạn như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán, Công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi, trừ trường hợp có các bằng chứng khách quan cho thấy khả năng thu hồi khoản nợ là không chắc chắn.

4.5. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận theo giá gốc.

4.6. Tài sản cố định

Tài sản cố định, bao gồm tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình, được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hoặc hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

4.7. Khấu hao và hao mòn tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Tài sản khác	4 năm
Phần mềm máy vi tính	<u>3 - 8 năm</u>

4.8. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.10. Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phản ánh theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền góp vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được trích lập các quỹ và chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt.

4.11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích từ lợi nhuận giữ lại theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

4.12. Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác

Vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Tài sản ủy thác hình thành từ việc sử dụng vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác phát sinh từ các khoản đầu tư ủy thác như: khoản lãi phải thu của khoản đầu tư ủy thác, các quyền lợi khác mà nhà đầu tư ủy thác được hưởng và các khoản phải thu khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác cũng như các khoản phí phải trả cho Công ty và các khoản phải trả khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

4.13. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí tư vấn đầu tư chứng khoán, phí quản lý danh mục đầu tư ủy thác và phí thường hoạt động được ghi nhận theo các điều khoản của hợp đồng quản lý danh mục đầu tư trên cơ sở dồn tích.

Thu nhập từ bán các khoản đầu tư tài chính

Thu nhập từ bán các khoản đầu tư tài chính được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán với giá vốn của chứng khoán và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch bán chứng khoán đã được hoàn tất.

Giá vốn của các khoản chứng khoán bán ra được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) theo tỷ lệ tương ứng với thời gian nắm giữ dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng tiền nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Công ty mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu nắm giữ.

4.14. Dự phòng

Ngoài các khoản dự phòng được trình bày tại Thuyết minh 4.3 và 4.4, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

4.15. Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a-CTQ
(Ban hành theo Thông tư số
125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

4.16. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm Ngân hàng mẹ, các công ty con của Ngân hàng mẹ và các quỹ đầu tư do Công ty quản lý.

4.17. Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư 125 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

4.18. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ/năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Do đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ/năm trước.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2026 VND	31/12/2025 VND (Phân loại lại)
Tiền mặt tại quỹ	361.727.888	359.340.035
Tiền gửi không kỳ hạn	2.569.745.899	3.183.998.788
Trong đó:		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	2.433.567.876	42.780.839
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	58.000.000.000	95.000.000.000
Trong đó:		
Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại	38.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	20.000.000.000	45.000.000.000
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	90.510.275	235.835.616
	61.021.984.062	98.779.174.439

(*) Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng, được hưởng lãi suất 4,75%/năm (31/12/2025: từ 4,70% đến 4,75%/năm).

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B09a-CTQ
(Ban hành theo Thông tư số
125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>30/6/2026</u>		<u>31/12/2025</u>	
	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị VND</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị VND</i>
				<i>(Phân loại lại)</i>
Đầu tư cổ phiếu				
Cổ phiếu niêm yết	12.171.999	182.922.058.142	9.381.599	146.424.889.354
Bao gồm các mã				
giảm giá				
IJC	4.263.399	45.107.110.229	3.345.999	37.017.332.153
VIB	3.000.000	50.568.262.452	-	-
PGC	2.083.600	28.361.151.759	2.083.600	28.361.151.759
ACB	-	-	1.752.000	42.187.340.195
Cổ phiếu chưa niêm yết	145.000	43.500.000	145.000	43.500.000
Đầu tư trái phiếu				
Trái phiếu niêm yết	700.186	90.632.908.280	1.713.500	185.301.358.475
Bao gồm các mã				
giảm giá				
VPI124001	199.990	20.544.872.060	-	-
DSE125018	-	-	599.000	64.808.794.122
HDB125012	-	-	570.000	60.023.641.973
SHB125010	-	-	295.500	32.616.424.481
MSN123008	-	-	249.000	27.852.497.899
Đầu tư khác				
Chứng chỉ quỹ mở	6.666.931,42	86.079.390.232	6.666.931,42	86.079.390.232
Chứng chỉ quỹ đóng	2.304.347,83	24.815.334.098	2.304.347,83	24.815.334.098
Hợp đồng tiền gửi		97.932.642.301		-
Chứng chỉ tiền gửi		135.790.251.946		51.815.075.480
Tổng cộng		618.216.084.999		494.479.547.639
Dự phòng giảm giá				
đầu tư ngắn hạn		(9.996.643.717)		(11.548.858.297)
		608.219.441.282		482.930.689.342

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<i>Kỳ sáu tháng</i> <i>kết thúc ngày</i> <i>30/6/2026</i> <i>VND</i>	<i>Kỳ sáu tháng</i> <i>kết thúc ngày</i> <i>30/6/2025</i> <i>VND</i>
Số dư đầu kỳ	11.548.858.297	110.464.194
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong kỳ	(1.552.214.580)	3.601.353.676
(Thuyết minh 27)		
Số dư cuối kỳ	9.996.643.717	3.711.817.870

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a-CTQ
(Ban hành theo Thông tư số
125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/6/2026	31/12/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần Phát triển T.K.M	5.177.000.000	-
Công ty TNHH VIBOOKING Việt Nam	900.000.000	-
Công ty Cổ phần Phần mềm BRAVO	810.000.000	405.000.000
Nhà cung cấp khác	455.800.000	127.300.000
	7.342.800.000	532.300.000

8. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	30/6/2026	31/12/2025
	VND	VND
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư	2.212.739.462	2.440.714.713
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	22.542.252.507	29.415.938.132
	24.754.991.969	31.856.652.845

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2026	31/12/2025
	VND	VND
		(Phân loại lại)
Dự thu cổ tức	4.632.019.500	-
Dự thu lãi trái phiếu	2.737.479.096	691.523.767
	7.369.498.596	691.523.767

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Biến động của tài sản cố định hữu hình cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau:

	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tài sản khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	1.503.593.705	7.783.891.700	288.360.492	56.000.000	9.631.845.897
Mua trong kỳ	198.850.000	3.697.680.000	-	77.000.000	3.973.530.000
Số dư cuối kỳ	1.702.443.705	11.481.571.700	288.360.492	133.000.000	13.605.375.897
Khấu hao lũy kế					
Số dư đầu kỳ	1.469.917.180	2.827.030.400	284.639.699	56.000.000	4.637.587.279
Khấu hao trong kỳ	20.868.018	551.366.556	3.720.793	8.124.330	584.079.697
Số dư cuối kỳ	1.490.785.198	3.378.396.956	288.360.492	64.124.330	5.221.666.976
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	33.676.525	4.956.861.300	3.720.793	-	4.994.258.618
Số dư cuối kỳ	211.658.507	8.103.174.744	-	68.875.670	8.383.708.921

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang sử dụng với giá trị là 4.527.689.897 VNĐ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 4.239.329.405 VNĐ).

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a-CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Biến động của tài sản cố định hữu hình cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

	<i>Máy móc thiết bị</i> VND	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i> VND	<i>Thiết bị văn phòng</i> VND	<i>Tài sản khác</i> VND	<i>Tổng cộng</i> VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	1.454.593.705	2.728.735.700	288.360.492	56.000.000	4.527.689.897
Mua trong kỳ	49.000.000	-	-	-	49.000.000
Số dư cuối kỳ	1.503.593.705	2.728.735.700	288.360.492	56.000.000	4.576.689.897
Khấu hao lũy kế					
Số dư đầu kỳ	1.447.727.214	2.728.735.700	226.967.603	48.284.956	4.451.715.473
Khấu hao trong kỳ	14.023.300	-	28.836.048	7.000.002	49.859.350
Số dư cuối kỳ	1.461.750.514	2.728.735.700	255.803.651	55.284.958	4.501.574.823
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	6.866.491	-	61.392.889	7.715.044	75.974.424
Số dư cuối kỳ	41.843.191	-	32.556.841	715.042	75.115.074

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Biến động của tài sản cố định vô hình cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

	Phần mềm máy vi tính	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	21.473.230.000	17.554.730.000
Hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	10.534.430.236	6.867.010.042
Hao mòn trong kỳ	1.924.997.148	1.973.573.380
Số dư cuối kỳ	12.459.427.384	8.840.583.422
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ	10.938.799.764	10.687.719.958
Số dư cuối kỳ	9.013.802.616	8.714.146.578

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang sử dụng với giá trị là 5.736.400.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 5.736.400.000 VND).

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Tỷ lệ đầu tư (%)</i>	<i>30/6/2026</i>	
		<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị VND</i>
Chứng chỉ quỹ mở	14,35	4.529.790,96	66.440.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn khác			6.300.000.000
			72.740.000.000

	<i>Tỷ lệ đầu tư (%)</i>	<i>31/12/2025</i>	
		<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị VND</i>
Chứng chỉ quỹ mở	14,39	4.529.790,96	66.440.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn khác			3.000.000.000
			69.440.000.000

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>30/6/2026 VND</i>	<i>31/12/2025 VND</i>
Phí trả trước dài hạn	269.041.492	320.434.534
Chi phí công cụ, dụng cụ	365.315.302	242.523.740
	634.356.794	562.958.274

14. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	<i>30/6/2026 VND</i>	<i>31/12/2025 VND</i>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	282.991.680	282.991.680

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a-CTQ
(Ban hành theo Thông tư số
125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>30/6/2026</i> <i>VND</i>	<i>31/12/2025</i> <i>VND</i>
Thuế thu nhập cá nhân	1.266.018.954	2.325.144.640
Thuế giá trị gia tăng	7.543.354	20.729.648
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh 29)	17.659.249.612	4.278.259.277
	18.932.811.920	6.624.133.565

16. PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

	<i>30/6/2026</i> <i>VND</i>	<i>31/12/2025</i> <i>VND</i>
Nhận đặt cọc thực hiện hợp đồng từ khách hàng	-	8.850.000.000
Phải trả hoa hồng giới thiệu sản phẩm	1.606.211.337	1.437.092.385
Phải trả khác	121.908.002	55.141.679
	1.728.119.339	10.342.234.064

17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<i>Kỳ sáu tháng</i> <i>kết thúc ngày</i> <i>30/6/2026</i> <i>VND</i>	<i>Kỳ sáu tháng</i> <i>kết thúc ngày</i> <i>30/6/2025</i> <i>VND</i>
Số dư đầu kỳ	2.520.361.580	868.896.033
Trích lập trong kỳ	7.488.658.613	3.442.830.827
Sử dụng trong kỳ	(1.177.927.352)	(612.400.000)
Số dư cuối kỳ	8.831.092.841	3.699.326.860

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a-CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	356.174.500.000	100.000.000	308.404.997.177	664.679.497.177
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	100.396.882.795	100.396.882.795
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(7.488.658.613)	(7.488.658.613)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	356.174.500.000	100.000.000	401.313.221.359	757.587.721.359
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	356.174.500.000	100.000.000	229.777.791.128	586.052.291.128
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	36.100.505.428	36.100.505.428
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(3.442.830.827)	(3.442.830.827)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	356.174.500.000	100.000.000	262.435.465.729	618.709.965.729

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-DHĐCĐ-MBC ngày 10 tháng 4 năm 2026, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 6% của lợi nhuận sau thuế năm 2025 với số tiền là 7.488.658.613 VND (Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025: 6% của lợi nhuận sau thuế năm 2024 với số tiền là 3.442.830.827 VND).



19. VỐN CỔ PHẦN

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2026 và 31/12/2025	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	35.617.450	356.174.500.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	35.617.450	356.174.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	35.617.450	356.174.500.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

20. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Chi tiết tiền gửi của các nhà đầu tư ủy thác tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2026	31/12/2025
	VND	VND
Nhà đầu tư 1	303.381.293.563	903.510.987.624
Nhà đầu tư 2	200.005.479.452	504.270.394.688
Nhà đầu tư 3	194.233.442.049	-
Nhà đầu tư 4	52.325.630.645	-
Nhà đầu tư 5	12.754.478.607	39.949.323.208
Nhà đầu tư 6	10.225.005.832	-
Nhà đầu tư 7	7.534.991.850	5.339.198.403
Các nhà đầu tư khác	1.034.250.711.835	1.384.869.150.607
	1.814.711.033.833	2.837.939.054.530

Biến động tiền gửi của các nhà đầu tư ủy thác trong kỳ như sau:

	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	2.837.939.054.530	304.865.397.222
Tăng trong kỳ	158.711.991.305.015	13.255.922.887.448
Giảm trong kỳ	(159.735.219.325.712)	(13.029.168.998.621)
Số dư cuối kỳ	1.814.711.033.833	531.619.286.049

21. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	<u>30/6/2026</u> <u>VND</u>	<u>31/12/2025</u> <u>VND</u>
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác trong nước		
- Cổ phiếu niêm yết	4.991.120.368.246	1.176.424.945.352
(Chi tiết cổ phiếu niêm yết bị giảm giá/rủi ro)		
QTP	146.949.302.092	143.914.574.136
VIB	100.452.489.512	56.956.617.318
VNM	66.732.256.150	64.137.977.858
VEA	65.141.189.500	56.527.206.768
IJC	42.247.927.103	26.234.648.253
TPB	41.366.836.250	-
FPT	34.350.526.485	7.992.034.050
REE	25.832.263.416	-
DXG	22.415.810.000	-
PGC	21.777.445.146	13.764.017.024
NLG	19.287.994.170	936.885.950
KDH	16.921.175.000	-
MWG	14.116.000.000	-
HDG	12.530.899.724	985.609.624
HPG	11.047.281.200	7.962.404.450
TCB	6.061.186.000	-
DCM	5.716.500.000	-
HPA	5.103.380.000	-
VRE	4.518.000.000	-
GAS	3.711.430.000	-
BMI	3.614.705.000	-
ACB	2.579.126.550	14.188.994.820
QNS	2.454.844.589	52.953.286.636
DPG	2.425.842.229	1.175.424.250
PLX	1.150.500.000	53.145.793.626
DPR	389.534.600	-
BID	-	9.989.294.500
HCM	-	9.034.820.795
MSB	-	468.217.750
TCI	-	2.311.258.950
VCB	-	6.340.799.500
VHC	-	3.854.050.200
- Cổ phiếu chưa niêm yết	639.000.000.000	155.300.000.000
- Chứng chỉ quỹ	27.777.680.000	25.177.680.000
- Trái phiếu niêm yết	611.255.638.096	460.139.848.263
(Chi tiết trái phiếu niêm yết bị giảm giá/rủi ro)		
HDB125012	125.101.295.284	15.102.465.766
TD2050035	50.000.000.000	-
TD2151042	13.000.000.000	13.000.000.000
TD1934191	5.947.069.380	-
TD2232114	-	8.158.378.003
TD2333117	-	12.645.975.615

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a-CTQ
(Ban hành theo Thông tư số
125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	<u>30/6/2026</u>	<u>31/12/2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác trong nước		
- Trái phiếu chưa niêm yết	5.498.946.126.956	4.910.431.897.961
(Chi tiết trái phiếu chưa niêm yết bị giảm giá/rủi ro)		
HDB12330	200.000.000.169	200.000.000.169
VCB12101	100.003.546.003	100.003.546.003
BCMBP.H.20.28.001	86.440.603.258	-
CTG12133	80.072.452.348	80.072.452.348
NLPLH203201	31.145.844.639	31.145.844.639
- Tiền gửi có kỳ hạn	579.969.000.000	720.664.000.000
- Chứng chỉ tiền gửi	2.921.146.762.919	2.629.724.746.444
	15.269.215.576.217	10.077.863.118.020

22. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	<u>30/6/2026</u>	<u>31/12/2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu tiền cổ tức	88.264.083.000	341.000.000
Phải thu lãi trái phiếu	141.529.731.889	132.185.983.092
Phải thu tiền bán chứng khoán và thu khác	138.213.428.306	131.004.320.287
Phải thu lãi tiền gửi	56.052.781.088	40.779.207.250
	424.060.024.283	304.310.510.629

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	<u>30/6/2026</u>	<u>31/12/2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả tiền mua chứng khoán	5.180.537.500	9.187.458.280
Phải trả phí quản lý cho Công ty	18.070.736.671	25.544.431.167
Phải trả phí ngân hàng lưu ký	283.117.288	511.282.047
Phải trả khác	5.913.616.164	3.038.355.453
	29.448.007.623	38.281.526.947

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a-CTQ
(Ban hành theo Thông tư số
125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

24. DOANH THU

	<i>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026</i> VND	<i>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025</i> VND
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	11.101.180.754	8.232.787.806
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	72.696.244.856	37.822.663.558
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	63.000.000.000	-
Doanh thu từ phí phát hành, mua lại chứng chỉ quỹ	3.203.353.198	1.765.897.425
	150.000.778.808	47.821.348.789

25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026</i> VND	<i>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025</i> VND
Chi phí lương, phụ cấp, thù lao, bảo hiểm	18.457.753.614	8.656.134.043
Chi phí quản lý quỹ và danh mục đầu tư chứng khoán	773.788.524	1.143.279.760
Chi phí vật liệu, dụng cụ quản lý	582.133.680	259.519.271
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.509.076.845	2.023.432.730
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.942.227.996	2.031.668.061
Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	1.350.000.000	-
Chi phí khác	1.787.847.737	2.103.479.500
	28.402.828.396	16.217.513.365

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026</i> VND	<i>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025</i> VND
Lãi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	96.569.260	22.968.871.654
Thu nhập cổ tức từ cổ phiếu	2.782.458.288	574.135.845
Thu nhập lãi trái phiếu	3.494.661.392	826.333.818
Thu nhập lãi tiền gửi	6.514.492.055	3.300.787.451
Thu nhập từ giảm vốn tại quỹ thành viên	-	1.599.423.917
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.412.493	21.796.070
	12.890.593.488	29.291.348.755

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND</i>	<i>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND</i>
Lỗ từ hoạt động kinh doanh chứng khoán (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh 6)	126.023.298	4.864.903.258
Chi phí tài chính khác	(1.552.214.580)	3.601.353.676
	111.591.861	379.663.567
	(1.314.599.421)	8.845.920.501

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND</i>	<i>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND</i>
Chi phí lương, phụ cấp, thù lao, bảo hiểm	5.716.797.230	3.608.007.912
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.047.788.442	628.939.755
Thuế, phí và lệ phí	63.874.058	64.138.182
Chi phí khác	3.726.545.362	1.751.017.693
	10.555.005.092	6.052.103.542

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<i>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND</i>	<i>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.920.346.343	9.963.793.671

Đối chiếu thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ như sau:

	<i>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND</i>	<i>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	125.317.229.138	46.064.299.099
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		
- Thu nhập không chịu thuế	(2.782.458.288)	(574.135.845)
- Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.066.985.506	4.328.805.101
- Điều chỉnh khác	(24.640)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	124.601.731.716	49.818.968.355
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	24.920.346.343	9.963.793.671
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	4.278.259.277	5.719.244.113
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(11.539.356.008)	(8.257.861.775)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	17.659.249.612	7.425.176.009

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ kế toán hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

30. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro phát sinh từ hoạt động kinh doanh là một phần quan trọng trong công tác quản trị của Công ty. Công ty có hệ thống kiểm soát mức cân đối có thể chấp nhận được giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc theo dõi liên tục quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo mức cân đối phù hợp giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất các chính sách quản lý những rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh như tổng hợp dưới đây.

30.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn và đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu khác, các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư trái phiếu. Những khoản đầu tư này phần lớn là ngắn hạn và không được nắm giữ với mục đích đầu cơ.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các công cụ tài chính chịu lãi suất của công ty như sau:

	30/6/2026 VND	31/12/2025 VND (Phân loại lại)
<i>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</i>		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	60.660.256.174	98.419.834.404
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng	97.932.642.301	-
Chứng chỉ tiền gửi	135.790.251.946	51.815.075.480
Trái phiếu niêm yết	20.072.986.220	-
	314.456.136.641	150.234.909.884
<i>Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi</i>		
Trái phiếu niêm yết	70.559.922.060	185.301.358.475
	70.559.922.060	185.301.358.475

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, mỗi thay đổi 1% lãi suất sẽ làm thay đổi 564.479.376 VND lợi nhuận sau thuế của Công ty (31/12/2025: 1.482.410.868 VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty khi doanh thu hoặc chi phí có gốc tiền tệ khác so với đồng tiền kế toán của Công ty.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đánh giá rủi ro tiền tệ là không đáng kể do số dư công cụ tài chính bằng ngoại tệ là không trọng yếu.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư.

Cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trị trong tương lai. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 giá trị thị trường của cổ phiếu niêm yết nắm giữ bởi Công ty là 178.129.440.800 VND (31/12/2025: 145.091.909.250 VND). Nếu giá thị trường của các cổ phiếu này tăng hoặc giảm 7% đối với cổ phiếu niêm yết trên sàn HOSE và 15% đối với cổ phiếu giao dịch trên sàn UPCOM tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 với tất cả các biến số khác không thay đổi thì có thể làm tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế của Công ty tương ứng là 9.975.248.685 VND (31/12/2025: 8.125.146.918 VND).

30.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo tài chính trên cơ sở từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận Kế toán và bộ phận Đầu tư theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a-CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Tổng giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2026 VND	31/12/2025 VND (Phân loại lại)
Tiền gửi không kỳ hạn	2.569.745.899	3.183.998.788
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	58.090.510.275	95.235.835.616
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	97.932.642.301	-
Trái phiếu niêm yết	90.632.908.280	185.301.358.475
Chứng chỉ tiền gửi	135.790.251.946	51.815.075.480
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	24.754.991.969	31.856.652.845
Các khoản phải thu khác	7.369.498.596	691.523.767
	417.140.549.266	368.084.444.971

30.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do chênh lệch trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời gian đáo hạn của công cụ tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.021.984.062	-	61.021.984.062
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn - gộp	618.216.084.999	-	618.216.084.999
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	24.754.991.969	-	24.754.991.969
Các khoản phải thu khác	7.369.498.596	-	7.369.498.596
Đầu tư dài hạn khác	-	72.740.000.000	72.740.000.000
Các khoản phải thu dài hạn	-	282.991.680	282.991.680
	711.362.559.626	73.022.991.680	784.385.551.306
Phải trả người bán	409.749.144	-	409.749.144
Phải trả phải nộp khác	1.728.119.339	-	1.728.119.339
	2.137.868.483	-	2.137.868.483
Chênh lệch thanh khoản ròng	709.224.691.143	73.022.991.680	782.247.682.823

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a-CTQ
(Ban hành theo Thông tư số
125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025</i>	<i>Dưới 1 năm VND</i>	<i>Từ 1 - 5 năm VND</i>	<i>Tổng cộng VND (Phân loại lại)</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền	98.779.174.439	-	98.779.174.439
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn - gộp	494.479.547.639	-	494.479.547.639
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	31.856.652.845	-	31.856.652.845
Các khoản phải thu khác	691.523.767	-	691.523.767
Đầu tư dài hạn khác	-	69.440.000.000	69.440.000.000
Tài sản dài hạn khác	-	282.991.680	282.991.680
	625.806.898.690	69.722.991.680	695.529.890.370
Phải trả người bán	677.480.079	-	677.480.079
Phải trả phải nộp khác	10.342.234.064	-	10.342.234.064
	11.019.714.143	-	11.019.714.143
Chênh lệch thanh khoản ròng	614.787.184.547	69.722.991.680	684.510.176.227

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

30.4. Tài sản bảo đảm

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản vay và nợ nào và không sử dụng bất kỳ tài sản nào của Công ty nhằm bảo đảm cho bất kỳ khoản vay và nợ nào của một bên khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025.

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư của Công ty với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 bao gồm:

	Mối quan hệ	30/6/2026 Phải thu/ (Phải trả) VND	31/12/2025 Phải thu/ (Phải trả) VND
Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)	Ngân hàng mẹ		
Tiền gửi tại MB		22.433.567.876	45.042.780.839
Phải thu lãi tiền gửi		10.085.617	34.123.287
Phải trả dịch vụ khác		(82.629)	(82.629)
Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại (MBV)	Cùng Ngân hàng mẹ		
Tiền gửi tại MBV		143.000.000.000	50.000.000.000
Phải thu lãi tiền gửi		1.683.931.507	201.712.329
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)	Cùng Ngân hàng mẹ		
Tiền gửi giao dịch chứng khoán		40.723.464	3.078.465.036
Phải trả dịch vụ khác		(5.971.359)	(7.203.729)
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội (MIC)	Cùng Ngân hàng mẹ		
Phải thu phí quản lý danh mục		483.891.918	381.668.565
Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác Tài sản MB (MB AMC)	Cùng Ngân hàng mẹ		
Phải thu tiền đặt cọc thuê văn phòng		252.991.680	252.991.680
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ MB Ageas Life (MBAL)	Cùng Ngân hàng mẹ		
Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư		4.747.978.140	4.193.447.342
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship (BMFF)	Quỹ đầu tư do Công ty quản lý		
Đầu tư tài chính dài hạn		66.440.000.000	66.440.000.000
Phải thu phí quản lý		765.871.449	754.954.750
Phải thu phí mua lại		182.985.434	-
Quỹ Đầu tư Rhodium Venture Capital (RVCF)	Quỹ đầu tư do Công ty quản lý		
Đầu tư tài chính ngắn hạn		24.815.334.098	24.815.334.098
Phải thu phí quản lý		93.184.067	91.312.723
Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB (MBBOND)	Quỹ đầu tư do Công ty quản lý		
Đầu tư tài chính ngắn hạn		86.079.390.232	86.079.390.232
Phải thu phí quản lý		274.236.283	283.273.481
Phải thu phí mua lại		41.735.343	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a-CTQ
(Ban hành theo Thông tư số
125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mối quan hệ	30/6/2026 Phải thu/ (Phải trả) VND	31/12/2025 Phải thu/ (Phải trả) VND
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Dòng tiền			
Linh hoạt MB (MBAM)	Quỹ đầu tư do Công ty quản lý		
Phải thu phí quản lý		147.460.377	872.646.860
Phải thu phí mua lại		13.943.912	-
Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital (MBVF)	Quỹ đầu tư do Công ty quản lý		
Phải thu phí quản lý		396.616.213	405.526.899
Phải thu phí mua lại		210.906.384	-

Các giao dịch của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

	Mối quan hệ	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)	Ngân hàng mẹ		
Doanh thu từ lãi và phí		703.641.460	2.058.427.176
Phí giao dịch và phí khác		(6.028.000)	(11.969.100)
Gửi tiền có kỳ hạn trong năm		158.000.000.000	266.000.000.000
Rút tiền có kỳ hạn trong năm		(183.000.000.000)	(408.000.000.000)
Thu nhập khác		60.000.000	-
Ngân hàng TNHH Việt Nam Hiện Đại (MBV)	Cùng Ngân hàng mẹ		
Doanh thu từ lãi và phí		2.269.821.919	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)	Cùng Ngân hàng mẹ		
Doanh thu từ lãi và phí		3.960.089	8.946.816
Phí giao dịch chứng khoán và phí khác		(120.918.008)	(236.796.532)
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội (MIC)	Cùng Ngân hàng mẹ		
Doanh thu từ phí quản lý danh mục		2.507.208.377	3.551.462.548
Phí bảo hiểm và phí khác		(17.530.700)	(19.480.700)
Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản MB (MB AMC)	Cùng Ngân hàng mẹ		
Chi phí thuê văn phòng		(2.638.670.900)	(1.674.363.835)
Mua chứng chỉ tiền gửi		31.630.934.560	-
Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas (MBAL)	Cùng Ngân hàng mẹ		
Phí quản lý danh mục		10.739.901.228	8.526.377.353

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B09a-CTQ
(Ban hành theo Thông tư số
125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mối quan hệ	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Bordier – MB Flagship (BMFF)	Quỹ đầu tư do Công ty quản lý		
Phí quản lý		4.557.300.388	2.141.587.696
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Dòng tiền Linh hoạt MB (MBAM)	Quỹ đầu tư do Công ty quản lý		
Phí quản lý		1.910.711.531	2.417.405.553
Mua chứng chỉ tiền gửi		83.297.592.040	-
Mua trái phiếu niêm yết		121.463.372.060	-
Quỹ Đầu tư Rhodium Venture Capital (RVCF)	Quỹ đầu tư do Công ty quản lý		
Phí quản lý		553.872.510	890.239.991
Mua hợp đồng tiền gửi		42.031.314.301	-
Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB (MBBOND)	Quỹ đầu tư do Công ty quản lý		
Phí quản lý		1.666.707.560	1.495.717.354
Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital (MBVF)	Quỹ đầu tư do Công ty quản lý		
Phí quản lý		2.412.588.765	1.287.837.212

Công ty thực hiện chi trả thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát căn cứ theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ-MBC ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông. Theo đó tỷ lệ chi trả thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là 3% lợi nhuận sau thuế hàng năm của Công ty. Thương cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát áp dụng theo quy định tại Quy chế hiện hành của Công ty.

Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc được chi trả theo Quy chế Lương của Công ty.

Tiền lương và thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		
Thù lao	3.011.000.000	1.083.000.000
Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương	272.880.000	363.356.000

32. THÔNG TIN SO SÁNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 Công ty áp dụng Thông tư 99. Một số số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với các quy định của Thông tư 99 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Bảng cân đối kế toán

	31/12/2025 VND (Phân loại lại)	31/12/2025 VND (Theo báo cáo trước đây)
Các khoản tương đương tiền	95.235.835.616	95.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	494.479.547.639	493.914.342.159
Các khoản phải thu khác	691.523.767	1.492.564.863

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 (Phân loại lại)	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 (Theo báo cáo trước đây)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	9.177.437.517	9.292.240.257
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	287.181.494.542	286.932.626.048
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	227.505.533.415	227.371.467.661

33. TÍNH THỜI VỤ CỦA CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty không chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ hay chu kỳ.

34. CÁC THAY ĐỔI TRONG ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Khi lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Những ước tính kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này không có sự thay đổi trọng yếu so với các ước tính kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

35. CÁC KHOẢN MỤC BẤT THƯỜNG

Không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

36. CÁC THAY ĐỔI TRONG CƠ CẤU CỦA CÔNG TY

Không có sự thay đổi nào trong cơ cấu của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ-MBC ngày 10 tháng 4 năm 2026, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 bao gồm việc chia cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15% vốn điều lệ. Ngày 20 tháng 7 năm 2026, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 164/NQ-MBC-HĐQT về việc trả cổ tức bằng tiền từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025 của Công ty với tỷ lệ thực hiện là 15%/cổ phiếu (1 cổ phiếu nhận được 1.500 VND), ngày đăng ký cuối cùng là ngày 31 tháng 7 năm 2026, thời gian thanh toán cổ tức là trong tháng 9 và tháng 10 năm 2026.

Ngoại trừ sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Ngày 14 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu



Trần Thị Ngoan
Kế toán

Người kiểm soát



Phạm Thị Thu Hương
Kế toán trưởng



Hoàng Nguyễn Quỳnh Trang
Giám đốc Tài chính



Người phê duyệt

Chu Hồng Kiên
Tổng Giám đốc

Số: /CV- MB Capital
V/v Giải trình biến động KQKD của
Bán niên năm 2026 so với Bán niên
năm 2025

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2026

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

- Căn cứ khoản 4, Điều 14 của Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về Công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán;

- Căn cứ vào Báo cáo tài chính Bán niên năm 2026 của Công ty CP Quản Lý Quỹ Đầu tư MB;

Công ty CP Quản Lý Quỹ Đầu tư MB xin giải trình về Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Bán niên năm 2026 so với Bán niên năm 2025, chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Bán niên năm 2026	Bán niên năm 2025	Chênh lệch	Biến động
Lợi nhuận sau thuế TNDN	100,396,882,795	36,100,505,428	64,296,377,367	178.10%

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Bán niên năm 2026 tăng 178.1% so với Bán niên năm 2025 là do trong kỳ Doanh thu hoạt động kinh doanh tăng 213.67% so với cùng kỳ năm trước.

Công ty CP Quản Lý Quỹ Đầu tư MB kính giải trình để Quý Ủy Ban được biết!

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Trần Thị Ngoan

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Phạm Thị Thu Hương

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Chu Hồng Kiên